

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/11/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+TD1	7:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
2		CLO+MRM	7:25	17+2	0+0		19+3	0+0	
3		VSP01+P1+P11	7:25	4+18+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
4		P2+P8+P6	9:25	22+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
5		BK15+BK4+CTK3	9:25	11+4+5	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
6		P1+BK8+BK6	11:25	10+5+1	0+0+0		7+7+8	0+0+0	
7		BK5+P2	11:25	6+15	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY BK6-SNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	TO: BK6 - TD1	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THƯ	BK6				65	65	D-HANH	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN QUYẾT	BK6	94	1	7		85	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK6					75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG THẾ ANH	BK6	98	1	4		65	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN THẮNG	BK6	99	1	3		65	NIPI	Vietnamese
6	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	97	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HẢI	BK6	96	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	95	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	KOROTKOV V.A	TD1	04	1	5		115	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	12	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	08	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN HẢI	TD1	14	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD1	10	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN MINH	TD1	13	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ QUỐC BẢO	TD1	05	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THIỆU	TD1	11	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	09	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	15	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN HOÀN	TD1	07	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
20	VĂN ĐÌNH QUANG	TD1	16-17	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
21	NIKITIN	TD1	06	1	5		92	ANTOAN	Russian
22	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	TD1	03	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	6	32	581	65	4		
2	TD1	14	15	77	1.040	0	18		
TOTAL		22	21	109	1.621	65	22		
WEIGHT KG				109	1.621	65			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CLO - MRM	CREW: N.Thắng - DNam - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH SÂN	CLO	74	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN HUNG	CLO	75	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	96	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	77	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	76	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	99	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN KIM HÙNG	CLO	66	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN BUI QUANG	CLO	78	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN HIẾU	CLO	72	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
10	THAI VIỆT ĐỊNH	CLO	64-65	2	16		66	KHOAN	Vietnamese
11	VU THỂ NĂNG	CLO	95	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	73	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	97	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGHIÊM XUÂN VIỆT	CLO	200	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	KARIMOV	CLO	68-69	2	11		88	D-HANH	Russian
16	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	67	1	10		57	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THU	CLO	98	1	14		52	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	19	120	1.215	0	19		
2	MRM	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		17	19	120	1.215	0	22		
WEIGHT KG				120	1.215	0			

GRAND TOAL: 1.335 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2020	TO: VSP01 - P1 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MTuấn - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH VAN PHUONG	VSP01	78-79	2	15		69	TRUONG V	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC SON	VSP01	75	1	10		66	TRUONG V	Vietnamese
3	LE MINH NHUT	VSP01	76-77	2	15		52	TRUONG V	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	73-74	2	19		62	TRUONG V	Vietnamese
5	TRAN VAN KY	P1	56	1	8		66	YTE	Vietnamese
6	LE DINH PHUC	P1	57	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DUBOV A.V	P1	54	1	6		90	KH-THAC	Russian
8	KISELEV IGOR	P1				26	96	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN TRUNG DUONG	P1	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM ANH SON	P1	83-84	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LE NGOC HAI	P1	58	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRUNG CHINH	P1					62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN KIM CUONG	P1	87	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	LE KIEN TRUNG	P1	59	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THE VINH	P1	82	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUY	P1	81	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LONG BIEN	P1	60	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐANG VAN ĐỨC	P1	52-53	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	86	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN PHIEN	P1	51	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN THANG	P1	80	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM SY HIEP	P1					61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	4	7	59	249	0	0		
2	P1	18	17	85	1.230	26	21		
3	P11	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	144	1.479	26	22		
WEIGHT KG				144	1.479	26			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

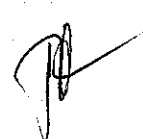
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/11/2020	TO: P2 - P8 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HƯNG - MTuấn - Luy	ETA: 11:20
NAU-2			

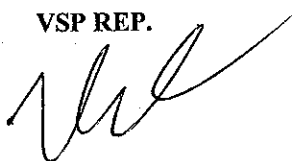
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	P2	11	1	5	65	72	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ ĐÌNH TỰ	P2	96	1	5		65	YTE	Vietnamese
3	VÕ DUY TOÀN	P2	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	93	1	6		44	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	03	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC HÙNG	P2	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	P2	91	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHAN	P2	08	1	3		51	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	95	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGHĨA TÀI	P2	98	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	P2	97	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	09-10	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HUY QUYNH	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
16	HA VĂN NIN	P2	400	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	99	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH VŨ	P2	94	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN SƠN	P2	92	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH HIỀN	P2	07	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN NAM	P2	06	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ SỸ VANG	P2	02	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

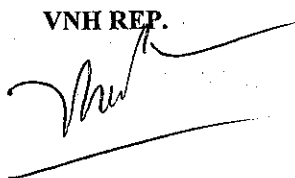
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	21	123	1.474	65	20		
2	P8	0	0	0	0	0	1		
3	P6	0	0	0	0	5	1		
TOTAL		22	21	123	1.474	70	22		
WEIGHT KG				123	1.474	70			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: BK15 - BK4 - CTK3	CREW: Khang - CHIẾN - Huy	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC TUÂN	BK15	89	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TOÀN	BK15	82-83	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
3	VÕ TÁ HÙNG	BK15	98-99	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	BK15	600	1	10	25	81	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VIỆT QUANG	BK15	84-85	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HIẾN	BK15	86-87	2	17		83	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BẮC	BK15	96-97	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI KHÁC THUY	BK15	90-91	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ANH	BK15	94-95	2	16		58	XAYLAP	Vietnamese
10	LY HUU THANG	BK15	92-93	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HUNG	BK15	88	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK4	43-44	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN BA DIỄN	BK4	45-46	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ QUANG HUNG	BK4	47-48	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	BK4	49-50	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHĨA	CTK3	43	1	17		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH THẮNG	CTK3	40	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN TUÂN ANH	CTK3	42	1	7	40	63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN SỸ	CTK3	44	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO AN TUÂN	CTK3	41	1	7		52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	11	19	167	758	25	12		
2	BK4	4	8	75	280	0	4		
3	CTK3	5	5	52	315	40	6		
TOTAL		20	32	294	1.353	65	22		
WEIGHT KG				294	1.353	65			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT:	TO: P1 - BK8 - BK6	CREW: Khang - CHIẾN - QTrưởng	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN KHUE	P1	02	1	8		63	PVD	Vietnamese
2	TRAN HOANG NHAN	P1	09	1	5	90	56	KH-THAC	Vietnamese
3	VO HONG HAI	P1	04	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
4	VU NAM CUONG	P1	04	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TO QUANG ANH	P1	15-16	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH CONG	P1	07	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VU HUNG	P1	08	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
8	TRAN TRUNG KIEN	P1	05	1	3		68	PSV	Vietnamese
9	LY CAO THANG	P1	06	1	8		71	PSV	Vietnamese
10	PODYMOM DMITRY	BK8	92	1	8		145	KH-THAC	Russian
11	TRAN VAN TINH	BK8	89-90	2	20	40	60	KH-THAC	Vietnamese
12	LE TAN	BK8	91	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CHI HUONG	BK8	94	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN THINH	BK8	93	1	8		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC AN	BK6	68	1	4		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	10	70	607	90	7		
2	BK8	5	6	45	405	40	7		
3	BK6	1	1	4	58	0	8		
TOTAL		15	17	119	1.070	130	22		
WEIGHT KG				119	1.070	130			

GRAND TOAL: 1.319 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/11/2020	TO: BK5 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - VAnh - Luy	ETA: 13:30
Cam - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN TẬP	BK5	75	1	7	40	68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	76	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DUONG	BK5	77	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC TUAN	BK5	74	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUNG	BK5	72	1	5		68	PSV	Vietnamese
6	BUI ĐAC CANH	BK5	73	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	HOANG VAN THAI	P2	57	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN MINH XANH	P2	48	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
9	HA CHIEN THANG	P2	43	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUY TRUNG	P2	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TAN QUAN	P2	53	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH KIM	P2	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH VIEN	P2	52	1	6		75	KHI	Vietnamese
14	TRAN VAN NAM	P2	55-56	2	8		70	KHI	Vietnamese
15	HOANG MINH HIEU	P2	51	1	3		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LAM	P2	54	1	10		93	ANTOAN	Vietnamese
17	LE VIET ANH ĐUC	P2	44-45	2	22		78	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM HUY DINH	P2	50	1	5		62	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN ĐUC TRONG	P2	42	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THAI	P2	47	1	9		72	DUY LINH	Vietnamese
21	NG. CHI TIEN	P2	49	1	7	44	80	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	6	6	44	406	40	5		
2	P2	15	17	100	1.071	44	17		
TOTAL		21	23	144	1.477	84	22		
WEIGHT KG				144	1.477	84			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN